

## QUYẾT ĐỊNH

### VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (ĐIỀU CHỈNH)

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tâm lý học, mã số ngành: 8310401.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tâm lý học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng

phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Tâm lý học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS Hoàng Anh Tuấn**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

MÃ SỐ: 8310401

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2903/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn )*

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

**- Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Tâm lý học

+ Tiếng Anh: Psychology

**- Mã số ngành đào tạo:** 8310401

**- Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Việt

**- Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**- Thời gian đào tạo:** 2 năm

**- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tâm lý học

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Psychology

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nhằm giúp học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức lí luận, thực tiễn để có trình độ chuyên môn sâu về chuyên ngành Tâm lý học ở bậc thạc sĩ; có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành trong việc nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực Tâm lý học cũng như tư vấn cho các cá nhân, các nhóm xã hội, tư vấn trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự và phát triển cộng đồng.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

*Về kiến thức*

Chương trình đào tạo nhằm trang bị và hướng dẫn người học bổ sung, cập nhật hệ thống kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở bậc thạc sĩ về chuyên ngành Tâm lý học. Trên cơ sở đó, có khả năng giải quyết những vấn đề tâm lý của cá nhân, của các nhóm xã hội và cộng đồng, góp phần xây dựng một xã hội văn minh trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

#### *Về kỹ năng*

Chương trình đào tạo chú trọng đến mục tiêu trang bị và hướng dẫn người học nâng cao các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ, như: Chương trình được thiết kế một cách cân đối giữa lý thuyết, nghiên cứu và ứng dụng để có thể cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, kỹ năng nghiên cứu và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn ngành Tâm lý học.

#### *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu giúp người học rèn luyện và phát huy các phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp tâm lý và đạo đức xã hội, bao gồm: trung thực, nghiêm túc, tôn trọng người khác và tự trọng cá nhân, cầu thị và có ý thức vươn lên, có trách nhiệm trong công việc, chủ động, độc lập và sáng tạo, có trách nhiệm với cộng đồng, tuân thủ pháp luật và biết bảo vệ chân lí, ủng hộ sự đổi mới, tiến bộ; luôn suy nghĩ và hành động đúng với lương tâm nghề nghiệp.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

**3.1. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

#### **3.2. Đối tượng dự tuyển**

##### **3.2.1. Yêu cầu về văn bằng**

- Đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học trong lĩnh vực tâm lý học. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

##### **3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ**

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được

minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng được yêu cầu trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ cho đến ngày ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

### **3.2.3. Điều kiện khác**

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

## **3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức**

### **3.3.1. Danh mục ngành phù hợp**

- Ngành phù hợp 1: Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.
- Ngành phù hợp 2:
  - + Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và nhân học;
  - + Ngành: Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Sư phạm mẫu giáo, Quản lý giáo dục, Y tế công cộng, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Chính trị học, Quản trị nhân lực, Du lịch, Khoa học quản lý, Luật, Triết học, Tôn giáo học.
- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ

phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này).

### 3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3
2	Những vấn đề cơ bản của tâm lý học	3
3	Tâm lý học tham vấn	3
4	Tâm lý học quản lý	3
5	Tâm lý học xã hội	3
<b>Tổng</b>		<b>15</b>

### 3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 10 – 20 học viên/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

#### 1.1. Kiến thức chung

- **PLO 1:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

#### 1.2. Kiến thức cơ sở, chuyên ngành và nghiên cứu khoa học

- **PLO 2:** Phân tích, đánh giá được các khía cạnh đạo đức nghề tâm lý, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý học.

- **PLO 3:** Vận dụng được những kiến thức tâm lý học chuyên sâu nhằm giải quyết các vấn đề tâm lý trong bối cảnh đa văn hóa.

#### 1.3. Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp

- Học viên theo học chương trình phải thực hiện 1 đề tài nghiên cứu có khối lượng 12 tín chỉ, kết quả thực hiện bằng luận văn. Học viên thực hiện luận văn trong thời gian ít nhất 06 tháng.

- Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của

học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

+ Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

+ Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

+ Luận văn có khối lượng khoảng 70 trang A4, có thể nhiều hoặc ít hơn tùy đặc thù lĩnh vực nghiên cứu của luận văn nhưng không quá 120 trang, không kể bảng biểu, phụ lục.

## **2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- **PLO 4:** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong lĩnh vực tâm lý học để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

- **PLO 5:** Có kỹ năng thiết kế và triển khai nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tâm lý học.

- **PLO 6:** Có kỹ năng truyền đạt tri thức tâm lý học dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học.

- **PLO 7:** Có kỹ năng tư vấn tâm lý trong lĩnh vực giáo dục, tổ chức, lao động, kinh doanh, xã hội và cộng đồng.

### **2.2. Kỹ năng bổ trợ**

- **PLO 8:** Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trình độ B2 tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- **PLO 9:** Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

- **PLO 10:** Kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực tâm lý học.

- **PLO 11:** Kỹ năng viết học thuật.

## **3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm**

- **PLO 12:** Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị.

- **PLO 13:** Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.

- **PLO 14:** Có khả năng nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

- **PLO 15:** Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.

#### **4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp**

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học có khả năng hoạt động trong nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau, đặc biệt là ở các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tâm lý, sức khỏe tinh thần, công tác xã hội, công tác với người khuyết tật và các nhóm yếu thế, công tác thanh niên, cơ quan hành pháp, tâm lý học quân sự, các cơ quan nghiên cứu và giáo dục. Các doanh nghiệp tư nhân cũng là những đơn vị tuyển dụng lớn đối với các nhà tâm lý hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhân sự và tư vấn nghề nghiệp. Ví dụ cụ thể về các công việc mà học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận như sau:

- Làm công tác nghiên cứu ở các viện và các trung tâm nghiên cứu;
- Làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tâm lý học trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;
- Chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực sức khỏe tinh thần, hướng nghiệp, quản lý, tổ chức nhân sự, Marketing....;
- Chuyên gia tâm lý trong các dự án chăm sóc sức khỏe tinh thần cộng đồng của các tổ chức trong và ngoài nước.

#### **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ Tâm lý học có khả năng trực tiếp tham gia các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy; hoặc tham gia hoạt động thực tiễn; hoặc có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học.

### **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>63</b> tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung:	<b>9</b> tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>27</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:	<b>15</b> tín chỉ



- + Tự chọn: 12 tín chỉ/33 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: 27 tín chỉ
- + Chuyên đề nghiên cứu: 15 tín chỉ
- + Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>9</b>				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>27</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>				
3	PSY6105	Đạo đức nghề tâm lý <i>Ethics of psychological profession</i>	3	40	10	100	
4	PSY6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học <i>Research design in Psychology</i>	3	40	10	100	
5	PSY6028	Tâm lý học xuyên văn hóa <i>Cross Cultural Psychology</i>	3	40	10	100	
6	PSY6130	Tâm lý học tích cực <i>Positive Psychology</i>	3	40	10	100	
7	PSY6036	Tâm lý học quản lý nhân sự <i>Psychology in human resource</i>	3	40	10	100	

\* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
		<i>management</i>					
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12/33</b>				
8	PSY6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng <i>Applied social psychology</i>	3	40	10	100	
9	PSY6138	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em <i>The development of children's thinking and language</i>	3	40	10	100	
10	PSY6025	Tâm lý học tội phạm <i>Criminal Psychology</i>	3	40	10	100	
11	PSY6026	Kỹ năng tham vấn <i>Counseling skills</i>	3	40	10	100	
12	PSY6131	Động thái nhóm và lãnh đạo <i>Group Dynamics and Leadership</i>	3	40	10	100	
13	PSY6037	Tâm lý học Marketing <i>Psychology in Marketing</i>	3	40	10	100	
14	PSY6038	Tham vấn nguồn nhân lực <i>Human resource of counseling</i>	3	40	10	100	
15	PSY6132	Tham vấn bạo lực gia đình <i>Domestic Violence Counseling</i>	3	40	10	100	
16	PSY6136	Đánh giá trí tuệ <i>Intellectual Assessment</i>	3	40	10	100	
17	PSY6137	Đánh giá nhân cách <i>Personality Assessment</i>	3	40	10	100	
18	PSY6024	Tâm lý học kinh tế <i>The Economic Psychology</i>	3	40	10	100	
<b>III</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>		<b>27</b>				
<b>III.1</b>	<b>Chuyên đề nghiên cứu</b>		<b>15</b>				
19	PSY6042	Phân tích dữ liệu định tính <i>Qualitative data analysis</i>	2	15	30	55	
20	PSY6040	Tổng quan tài liệu <i>Literature Reviews</i>	2	20	20	60	
21	PSY6041	Phân tích dữ liệu định lượng <i>Quantitative Analysis</i>	3	30	30	90	
22	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn	4	30	15	135	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
		<i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>					
23	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	135	
<b>III.2</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>		<b>12</b>				
24	PSY7003	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	12	0	0	600	
<b>Tổng cộng</b>			<b>63</b>				

**Lưu ý:** Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá